

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH
Bản số: 30/2024/HS-ST
Ngày 30 - 7 - 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thảo

Thẩm phán: Ông Tô Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Đang

Bà Lê Thị Thanh Hương

Ông Chu Văn Kiêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Ninh Thị Thanh Phương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 25/2024/TLST-HS ngày 13 tháng 6 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2024/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị N, sinh năm 1994, tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú thôn Đ, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị T; chồng, con chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/01/2024 đến ngày 31/01/2024 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh N cho đến nay (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị N theo chỉ định: Ông Phạm Đức H - Luật sư văn phòng L1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh N (vắng mặt do bị cáo từ chối người bào chữa).

- Người làm chứng: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1986 (có mặt); chị Phạm Hương H1, sinh năm 1980 (vắng mặt); chị Vũ Thị B, sinh năm 1969 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị N sinh ngày 19/5/1994, đăng ký thường trú tại thôn Đ, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Bình là người không có nghề nghiệp ổn định. Từ tháng

9/2018 đến tháng 01/2020, Nguyễn Thị N đã nhiều lần xuất nhập cảnh qua Cửa khẩu quốc tế N3, Cửa khẩu M đi lao động tại các nước Nga, Đài Loan, Campuchia.

Tháng 8/2020, do có nhu cầu đi Trung Quốc lao động, Nguyễn Thị N đã lên mạng xã hội Facebook vào hội nhóm đi làm việc tại Trung Quốc kết bạn tìm việc làm, sau đó N đã quen biết, nhờ một người có tài khoản Facebook “Hoàng Văn N1” (không xác định được thông tin, địa chỉ) giúp đưa N sang Trung Quốc lao động và được người này đồng ý. Theo hướng dẫn của “Hoàng Văn N1”, Nguyễn Thị N tự đón xe lên tỉnh Lạng Sơn và gặp một người đàn ông không quen biết do “Hoàng Văn N1” bố trí, sau đó được người đàn ông này đưa trái phép từ Việt Nam sang Trung Quốc. Tại Trung Quốc, Nguyễn Thị N làm nhiều công việc khác nhau như làm việc tại các xí nghiệp, công ty S1, vali...

Tháng 10/2023, do muốn trở về Việt Nam sinh sống nên Nguyễn Thị N đã liên hệ, nhờ người bố trí đưa N vượt biên trái phép từ Trung Quốc về Việt Nam. Trên đường trở về, N bị Đại đội quản lý biên giới huyện L, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc phát hiện, bắt và giam giữ 03 tháng về hành vi xuất nhập cảnh trái phép. Ngày 26/01/2024, cơ quan chức năng Trung Quốc đã trao trả N cùng với 37 người khác về Việt Nam qua Đ tại cửa khẩu quốc tế T1, tỉnh Cao Bằng. Khi về Việt Nam, Nguyễn Thị N mang theo 63 tờ tiền đô la Mỹ, mỗi tờ có mệnh giá 100 USD; trong đó 54 tờ có cùng số seri: LL62033872F, 06 tờ có cùng số seri: K1 12340000A và 03 tờ có cùng số seri: K1 12340000A. N khai nhận đã sử dụng 3 vạn nhân dân tệ do N lao động mà có để đổi sang số tiền đô la của một người đàn ông tên L, quốc tịch Trung Quốc. Sáng ngày 27/01/2024, sau khi trở về nhà tại thôn Đ, xã L, huyện N, Nguyễn Thị N nhờ anh trai là Nguyễn Văn V sinh năm 1986 trú tại thôn C, xã V, huyện N đến chở N đi đổi tiền đô la Mỹ sang tiền Việt Nam để mua sắm cho bản thân và gia đình. Anh V sử dụng xe mô tô BKS 35N1-543.39 chở N đi đến thị trấn N. Do trước đó vào năm 2019, N đã từng đến cửa hàng vàng bạc tại thị trấn N, huyện N để đổi 600 USD sang tiền Việt Nam, nên N đã nhờ anh V chở đến cửa hàng V1 tại phố B, thị trấn N, huyện N. Khi vào cửa hàng, N gặp chị Phạm Hương H1, sinh năm 1980 là chủ cửa hàng. N hỏi chị H1: “chị ơi ở đây có đổi đô không?”, sau đó N lấy 60 tờ đô la Mỹ trong chiếc ví màu đen kích thước (19,5 x 10,5cm) của N đưa cho chị H1 xem. Sau khi kiểm tra, chị H1 xác định tiền đô la Mỹ mà N mang đến đổi là tiền đô la M giả nên đã nói với N “hình như đây là tiền giả” và trả lại tiền cho N, không thực hiện việc đổi tiền. N nhận lại tiền rồi cùng anh V đi ra khỏi cửa hàng V1. Mặc dù đã được chỉ H1 thông báo số đô la trên là giả, nhưng do vẫn muốn đổi được tiền nên N đã tiếp tục nhờ anh V chở đến cửa hàng V2 tại phố T, thị trấn N, huyện N do chị Vũ Thị B1 sinh năm 1969 là chủ cửa hàng. N hỏi chị B1: “chị ơi, ở đây có đổi đô không?”. Chị B1 nói với N: “cứ bỏ ra đây xem nào?”. N lấy tiền đô la Mỹ trong ví ra đưa cho chị B1, khi kiểm tra phát hiện trong số 60 tờ tiền đô la Mỹ có 06 tờ có màu sắc sáng hơn so với 54 tờ còn lại. Chị B1 đã hỏi N: “Sao có mấy tờ sáng vậy, chị chưa thấy bao giờ?” N trả lời: “Vậy chị bỏ mấy tờ đó ra cho em”. Đối với 54 tờ còn lại, chị

B1 đưa cho con trai là Nguyễn Việt A, sinh năm 1993 để mang đến cửa hàng vàng bạc Ngọc B2 tại phố B, thị trấn N do ông Trần Nguyên H2, sinh năm 1958 làm chủ cửa hàng, nhờ ông H2 kiểm tra là tiền thật hay tiền giả. Sau khi kiểm tra, ông H2 xác định là tiền đô la Mỹ giả. Ngay sau đó anh Việt A đã gọi điện trình báo vụ việc đến Công an thị trấn N, huyện N. Tại cửa hàng V2, cơ quan Công an thị trấn Nho Quan đã phát hiện, thu giữ 60 tờ tiền Đô la Mỹ đều có mệnh giá 100 USD được Nguyễn Thị N xác định là tiền mà N mang đến đổi tại các cửa hàng vàng bạc Mạnh H3 và Xuân M1 ngày 27/01/2024, gồm: 54 tờ có cùng số seri: LL62033872F; 06 tờ có cùng số seri: K1 12340000A. Ngoài ra, kiểm tra chiếc ví màu đen của N mang theo, đã phát hiện, thu giữ các đồ vật, tài sản gồm:

- 03 tờ tiền dạng Đô la Mỹ mệnh giá 100 USD, có cùng số seri: K1 12340000A, mặt tờ tiền có in số seri có màu đen trắng.
- 01 Căn cước công dân số 037194002045 mang tên Nguyễn Thị N, địa chỉ thường trú tại xã L, huyện N, tỉnh Ninh Bình.
- 09 tờ tiền các loại, gồm:
 - + 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500 (Năm trăm đồng) có số seri: JD 9125140;
 - + 01 tờ tiền có chữ nước ngoài “THE UNITED STATES OF AMERICA” mệnh giá 2 (Hai) có số seri: L00552336A.
 - + 02 tờ tiền có chữ nước ngoài “BAN K NEGARA MALAYSIA”, một tờ mệnh giá 1 (Một) có số seri: BH 5281270 và một tờ mệnh giá 1 (Một) có số seri: ABN7890819;
 - + 02 tờ tiền có chữ nước ngoài “N4 OF CAMBODIA 2014” đều mệnh giá 500 (năm trăm) có số seri đầu tiên là chữ nước ngoài, trong đó một tờ có dãy số: 6668506 và một tờ có dãy số: 2413141;
 - + 01 tờ tiền có chữ nước ngoài “NEGARA KESATUAN REPUBLIK INDONESIA” mệnh giá 2000 (hai nghìn) có số seri: EBW321598;
 - + 01 tờ tiền có chữ nước ngoài mệnh giá 100 (một trăm), có số seri: QU429143FS.
 - + 01 tờ tiền có chữ nước ngoài mệnh giá 200 (hai trăm), có số seri: CZ1885167;

Công an thị trấn N đã lập biên bản vụ việc, thu giữ, niêm phong các vật chứng có liên quan, đồng thời yêu cầu Nguyễn Thị N và Nguyễn Văn V về trụ sở để tiếp tục làm việc. Sau khi thu thập tài liệu, chứng cứ ban đầu, Công an thị trấn N đã chuyển tin đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N để tiến hành điều tra theo quy định của pháp luật. Ngày 27/01/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã ra Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Thị N tại thôn Đ, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Kết quả: không thu giữ được đồ vật, tài liệu gì có liên quan. Ngày 28/01/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan ANĐT Công an tỉnh N để điều tra theo thẩm quyền.

Ngày 29/01/2024, Cơ quan ANĐT Công an tỉnh N đã ra Quyết định trưng

cầu giám định số 04/QĐ-ANĐT trung cầu Viện Khoa học hình sự - Bộ C giám định 63 tờ tiền dạng đô la Mỹ đều có mệnh giá 100 USD thu giữ của Nguyễn Thị N ngày 27/1/2024 là tiền thật hay tiền giả. Tại Kết luận giám định số 821/KL-KTHS của V3- Bộ C, kết luận: “63 (sáu mươi ba) tờ tiền Đô la Mỹ gửi giám định, mệnh giá 100 USD, gồm 54 (năm mươi tư) tờ có cùng mã hiệu LL62033872F, 06 (sáu) tờ có cùng mã hiệu K1 1234000A, 03 (ba) tờ có cùng mã hiệu K1 1234000A (mặt trước được in đen trắng) là các tờ tiền Đô la Mỹ giả”.

Theo tỷ giá trung tâm của VNĐ với USD ngày 27/01/2024 do Ngân hàng N5 - Chi nhánh tỉnh N cung cấp thì 01 USD = 24.036 VNĐ. Do đó, 6.300 USD mà Nguyễn Thị N mang đi đổi tại cửa hàng V1 và cửa hàng V2 ngày 27/01/2024 tương đương với 151.426.800 VNĐ (một trăm năm mươi một triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn tám trăm đồng).

Ngày 20/2/2024 Cơ quan ANĐT Công an tỉnh N đã ra Quyết định trung cầu giám định số 07/QĐ-ANĐT trung cầu Phòng K1 Công an tỉnh N giám định 09 tờ tiền đã thu giữ của Nguyễn Thị N, là những tờ tiền Ninh sưu tầm của một số nước để lưu giữ làm kỷ niệm. Ngày 29/02/2024, Phòng K1 Công an tỉnh N có Kết luận giám định số 287/KL-KTHS-TL, kết luận: “09 (chín) tờ tiền gửi giám định đều là tiền thật”.

Cơ quan ANĐT Công an tỉnh N đã trung cầu giám định dữ liệu trong điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu trắng của Nguyễn Thị N. Ngày 02/4/2024, Phòng K1 Công an tỉnh N có Kết luận giám định số 344/KL-KTHS-KTS&ĐT, kết luận: “Tìm thấy 42 (bốn mươi hai) dữ liệu tin nhắn SMS; 245 (hai trăm bốn mươi lăm) dữ liệu cuộc gọi; 118 (một trăm mười tám) tệp tin có định dạng .jpg lưu trữ trên điện thoại di động gửi giám định trong thời gian từ ngày 01/10/2023 đến 28/01/2024. Không tìm thấy dữ liệu tệp tin có định dạng .jpeg; .pdf lưu trữ trong điện thoại di động gửi giám định trong thời gian từ ngày 01/10/2023 đến 28/01/2024”. Toàn bộ dữ liệu tìm thấy được sao lưu sang 01 (một) đĩa DVD-R màu vàng, nhãn hiệu Maxell, dung lượng 4,7GB. Cơ quan điều tra đã cùng với bị cáo Nguyễn Thị N kiểm tra các dữ liệu đã được trích xuất, phục hồi song không phát hiện thấy dữ liệu có liên quan đến hành vi phạm tội.

Kết quả giám định 17 tệp video ghi nhận lại quá trình Nguyễn Thị N đi đổi tiền Đô la Mỹ tại cửa hàng V1, cửa hàng V2 và quá trình anh Nguyễn Việt A đi kiểm tra tiền đô la Mỹ mà N mang đến đổi. Tại Kết luận giám định số 355/KL-KTHS-KTS&ĐT ngày 12/4/2024 của Phòng KTHS Công an tỉnh N, kết luận: “Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong 17 (mười bảy) tệp video lưu trữ trong 02 (hai) USB và 01 (một) đĩa DVD-R gửi giám định.”

* Việc thu giữ đồ vật, tài liệu; xử lý vật chứng:

- 63 tờ tiền Đô la Mỹ giả đều có mệnh giá 100 USD, trong đó 54 tờ có cùng số seri: LL62033872F, màu chủ đạo xanh sẫm; 06 tờ có cùng số seri: K1 12340000A, màu chủ đạo xanh sáng; 03 tờ có cùng số seri: K1 12340000A, mặt

tờ tiền có số seri in màu đen trắng, mặt sau có màu chủ đạo xanh sáng, đã thu giữ của N cùng 01 ví màu đen kích thước (19,5x10,5)cm, trên một mặt ví có chữ “PLAYBOY” khóa sáng màu, một đầu ví có buộc 01 dây màu đen kích thước (16,7x1,2)cm; 01 ba lô bằng vải màu đen, kích thước (55x43cm) được bị can sử dụng để cất giấu tiền giả. Đây là vật chứng trong vụ án, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình ra quyết định chuyển vật chứng đến Cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình để giải quyết cùng vụ án.

Đối với đồ vật tài sản còn lại gồm: 01 Căn cước công dân số 037194002045 mang tên Nguyễn Thị N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu trắng, và 09 tờ tiền các loại do N sưu tầm làm vật kỷ niệm; các tài sản đồ vật này xác định không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan ANĐT đã trả lại cho anh Nguyễn Văn V là người được bị can N uỷ quyền nhận lại tài sản.

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Thị N đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên.

Tại Bản cáo trạng số 14/CT-VKS-P1 ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố Nguyễn Thị N về tội: “Lưu hành tiền giả”, áp dụng khoản 3, khoản 5 Điều 207 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình giữ nguyên quan điểm truy tố như Bản cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội: “Lưu hành tiền giả”. Áp dụng khoản 3 Điều 207; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N từ 10 năm đến 11 năm tù.

Về xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 63 tờ tiền Đô la Mỹ giả đều có mệnh giá 100 USD (trong đó 54 tờ có cùng số seri: LL62033872F, màu chủ đạo xanh sẫm; 06 tờ có cùng số seri: K1 12340000A, màu chủ đạo xanh sáng; 03 tờ có cùng số seri: K1 12340000A, mặt tờ tiền có số seri in màu đen trắng, mặt sau có màu chủ đạo xanh sáng), đã thu giữ của N; 01 ví màu đen kích thước (19,5x10,5)cm, trên một mặt ví có chữ “PLAYBOY” khóa sáng màu, một đầu ví có buộc 01 dây màu đen kích thước (16,7x1,2)cm; 01 ba lô bằng vải màu đen, kích thước (55x43cm) được bị cáo sử dụng để cất giấu tiền giả.

Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo yên tâm cải tạo sớm trở về gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người làm chứng; phù hợp với Bản kết luận giám định Số 821/KL-KTHS của V3 - Bộ C, kết luận: “63 (sáu

mười ba) tờ tiền Đô la Mỹ gửi giám định, mệnh giá 100 USD, gồm 54 (năm mươi tư) tờ có cùng mã hiệu LL62033872F, 06 (sáu) tờ có cùng mã hiệu K1 1234000A, 03 (ba) tờ có cùng mã hiệu K1 1234000A (mặt trước được in đen trắng) là các tờ tiền Đô la Mỹ giả”. Tại Kết luận giám định số 355/KL-KTHS-KTS&ĐT ngày 12/4/2024 của Phòng KTHS Công an tỉnh N, kết luận: “Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong 17 (mười bảy) tệp video lưu trữ trong 02 (hai) USB và 01 (một) đĩa DVD-R gửi giám định.”; phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Nguyễn Thị N là đối tượng lao động trái phép tại Trung Quốc về Việt Nam sinh sống. Sáng ngày 27/01/2024, Nguyễn Thị N mang theo 63 tờ tiền đô la Mỹ giả đều có mệnh giá 100 USD, có trị giá tương ứng 151.426.800 đồng đến cửa hàng vàng bạc Mạnh H3 tại phố B thị trấn N để đổi sang tiền Việt Nam sử dụng cho mục đích cá nhân nhưng chị Phạm Hương H1 - chủ cửa hàng đã từ chối giao dịch vì nghi ngờ là tiền đô la giả, N tiếp tục đến cửa hàng V2 tại phố T thị trấn N, tỉnh Ninh Bình do chị Vũ Thị B1 làm chủ để đổi tiền thì bị chị B1 phát hiện, trình báo với cơ quan Công an thị trấn N đến làm việc và thu giữ toàn bộ 63 tờ tiền Đô la Mỹ giả của N. Hành vi nêu trên của Nguyễn Thị N đã phạm tội “Lưu hành tiền giả” thuộc trường hợp “tiền giả có giá trị tương ứng từ 50.000.000 đồng trở lên”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 207 Bộ luật Hình sự.

Điều 207. Tội Lưu hành tiền giả

1. Người nào làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.

2...

3. Phạm tội trong trường hợp tiền giả có giá trị tương ứng từ 50.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.

..

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo với tội danh và điều luật đã viện dẫn như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến việc lưu hành, quản lý tiền tệ của Nhà nước; tác động xấu đến trật tự trị an và an toàn cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu trong dư luận quần chúng nhân dân. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, trong khoảng thời gian từ tháng 9/2018 đến tháng 01/2020 bị cáo đã nhiều lần xuất cảnh đi ra nước ngoài lao động nên bị cáo có đủ điều kiện để tiếp xúc với tiền ngoại tệ, trong đó có tiền Đô la Mỹ mệnh giá 100 USD. Mặc khác khi mang số tiền Đô la Mỹ nêu trên đi lưu hành mặc dù tại cửa hàng V1 đã từ chối giao dịch vì cho rằng tiền giả nhưng bị cáo vẫn tiếp tục đến cửa hàng V2 với mục đích tiếp tục đổi nhưng đã bị phát hiện bắt giữ. Do đó cần phải xử phạt bị cáo thật nghiêm minh, cách ly khỏi xã hội một thời gian

tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; ông nội bị cáo là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhì, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự được xem xét áp dụng cho bị cáo khi lượng hình.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3] Về xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ:

Quá trình điều tra cơ quan đã thu giữ của bị cáo 63 tờ tiền Đô la Mỹ giả đều có mệnh giá 100 USD và 01 ví màu đen kích thước (19,5x10,5)cm, trên một mặt ví có chữ “PLAYBOY” khóa sáng màu, một đầu ví có buộc 01 dây màu đen kích thước (16,7x1,2)cm; 01 ba lô bằng vải màu đen, kích thước (55x43cm) được bị cáo sử dụng để cất giấu tiền giả. Xét thấy đây là vật chứng của vụ án vì vậy cần tịch thu tiêu hủy.

[4] Trong vụ án có anh Nguyễn Văn V là người được Nguyễn Thị N nhờ chở đi đổi tiền. Quá trình đi đổi tiền sáng ngày 27/01/2024, anh V không được N cho xem số tiền đô la Mỹ N2 mang theo, trước đó anh V chưa được tiếp xúc với tiền đô la M nên anh V không phân biệt được tiền thật và tiền giả. Giữa anh V và N2 không có thỏa thuận, bàn bạc gì về việc đến cửa hàng V1 và cửa hàng V2 đổi tiền. N2 là người trực tiếp trao đổi, giao dịch với các chủ cửa hàng vàng bạc. Do đó, anh V không đồng phạm với bị cáo trong vụ án này.

Đối với chị Phạm Hương H1, là chủ cửa hàng V1. Khi bị cáo vào cửa hàng đặt vấn đề đổi đô la và đưa một vài tờ tiền cho chị H1 kiểm tra, chị H1 không biết rõ số tiền đô đó có phải là tiền thật hay tiền giả vì chị không kinh doanh ngoại tệ, mà chỉ nghi ngờ là đô la giả nên đã từ chối giao dịch với N2. Chị H1 không biết sau đó bị cáo đi đâu, làm gì. Do vậy không có căn cứ để xử lý đối với chị H1 về hành vi không tố giác tội phạm.

Về nguồn gốc tiền giả: Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Thị N khai nhận 63 tờ tiền đô la Mỹ giả cơ quan điều tra thu giữ do bị cáo đổi của một người đàn ông Trung Quốc tên là “Lý” mà bị cáo quen biết trong thời gian lao động trái phép tại Trung Quốc. Tuy nhiên, bị cáo không biết rõ nhân thân, lai lịch của người này nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh, làm rõ.

Đối với hành vi xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc của bị cáo Nguyễn Thị N: Tháng 8/2020, Nguyễn Thị N đã tìm hiểu trên mạng và liên hệ với người dùng tài khoản Facebook có tên “Hoàng Văn N1” giúp đưa sang Trung Quốc lao động bằng hình thức vượt biên trái phép tại khu vực tỉnh Lạng Sơn. Tuy nhiên, Nguyễn Thị N không biết rõ nhân thân, lai lịch của người dùng tài khoản Facebook “Hoàng Văn N1” cũng như của những người tổ chức đưa N vượt biên trái phép sang Trung Quốc. Do đó, Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều

tra. Đối với hành vi xuất cảnh trái phép của Nguyễn Thị N, đến nay đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, do vậy Cơ quan điều tra không có văn bản đề nghị Cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành chính đối với Nguyễn Thị N.

[5] Về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra và Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của người tiến hành tố tụng và quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng do đó các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, Cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[6] Về án phí: Bị cáo bị tuyên là có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 207; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội “Lưu hành tiền giả”.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thị N 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 28/01/2024.

2. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong trong phong bì có 63 tờ tiền dạng Đô la Mỹ đều có mệnh giá 100 USD gồm có các số seri như sau:

- 54 (năm mươi tư) tờ có cùng số seri: LL62033872F, kích thước (15,6x6,6) cm, màu chủ đạo xanh sẫm;

- 06 (sáu) tờ có cùng số seri: K1 12340000A, kích thước (15,2x6,3) cm màu chủ đạo xanh sáng;

- 03 (ba) tờ có cùng số seri: K1 12340000A, kích thước (15,2x6,3) cm, mặt tờ tiền có số seri có màu đen trắng, mặt sau có màu chủ đạo xanh sáng.

- 01 (một) ví màu đen kích thước (19,5x10,5)cm, trên một mặt ví có chữ “PLAYBOY” khóa sáng màu, một đầu ví có buộc 01 dây màu đen kích thước (16,7x1,2)cm;

- 01 ba lô bằng vải màu đen, không có nhãn hiệu, kích thước (55x43cm).

(Chi tiết vật chứng như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 27/06/2024 giữa Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh N và Cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình).

3. Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao (01 bản);
 - VKSND cấp cao (01 bản);
 - VKSND tỉnh Ninh Bình (03 bản);
 - Phòng Kiểm tra thi hành án (04 bản);
 - Phòng PA09 Công an tỉnh Ninh Bình (01 bản);
 - Phòng HS&NV Công an tỉnh Ninh Bình (01 bản);
 - Phòng PC 10 Công an tỉnh Ninh Bình (01 bản);
 - Bị cáo (01 bản);
 - Người có QLNVLQ;
 - Sở tư pháp (01 bản);
 - Lưu hồ sơ (02 bản);
 - Lưu tòa , Tổ hành chính tư pháp (02 bản);
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú)

**T. M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)
Bùi Thị Thảo**